

Số: 2405 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục trưởng Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Phụ lục I: Thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi Nghị định số 63/2010/NĐ-CP; Phụ lục II: Thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước kèm theo*).

Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được quy định tại các văn bản sau:

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

1. Bãi bỏ các nội dung quy định tại số thứ tự 14, 15, 16, 17, 18, 19 mục A; số thứ tự 23 mục B; số thứ tự 01, 02 mục C của phần I và nội dung cụ thể tương ứng tại Phần II tại Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Bãi bỏ các nội dung công bố tại các số thứ tự 1, 2 của Mục B Phần I và nội dung cụ thể tương ứng của Phần II tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 696/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Bãi bỏ các nội dung công bố tại số thứ tự 1 của Mục A Phần I; số thứ tự 1 của Mục B Phần I và nội dung cụ thể tương ứng của Phần II tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2308/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Bãi bỏ thủ tục hành chính tại số thứ tự 1, 2 của Mục A điểm 3 Phần I; số thứ tự 1 của Mục B điểm 3 Phần I, Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục trưởng Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các Thứ trưởng; các Vụ, Văn phòng Bộ, Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Báo Nông nghiệp và Môi trường;
- Liên đoàn thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, LNKL, VPB (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG**



Nguyễn Quốc Trị

Nguyen *2025*

Phụ lục I**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC PHẠM VI NGHỊ ĐỊNH SỐ 63/2010/NĐ-CP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2405 /QĐ-BNNMT ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương			
1	Cấp thay thế giấy phép CITES	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cơ quan quản lý CITES Việt Nam
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
1	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh; Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương						
1	1.008671	Thẩm định hồ sơ đề nghị đưa vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Xử lý hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung loài trong Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm	Điều 5 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.003903	Cấp Giấy phép CITES xuất khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục CITES	Cấp giấy phép CITES xuất khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Điều 29 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cơ quan quản lý CITES Việt Nam
3	1.003578	Cấp Giấy phép CITES nhập khẩu mẫu vật các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục CITES	Cấp giấy phép CITES nhập khẩu mẫu vật các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Điều 30 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cơ quan quản lý CITES Việt Nam

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
4	1.003532	Cấp Giấy phép CITES nhập nội từ biển mẫu vật động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I và II CITES	Cấp giấy phép CITES nhập nội từ biển mẫu vật loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục I, II Công ước CITES	Điều 31 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cơ quan quản lý CITES Việt Nam
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh						
1	1.008672	Cấp giấy phép khai thác loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	Điều 10 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính
2	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Điều 13 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	1.008682		Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Điều 21 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học		trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường		
4	1.004819	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I CITES	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Điều 26 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Lâm nghiệp và Kiểm lâm.	Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh; Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh
C. Thủ tục hành chính cấp xã						
1	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Khoản 8 Điều 12 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cơ quan chuyên môn cấp xã được giao
2	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Khoản 6 Điều 12 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Ủy ban nhân dân cấp xã

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	1.000009	Cấp ấn phẩm Chứng chỉ CITES xuất khẩu mẫu vật lưu niệm	Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Lâm nghiệp và Kiểm lâm.	Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam
2	1.003452	Cấp Chứng chỉ CITES mẫu vật tiền Công ước mẫu vật các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục CITES	Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Lâm nghiệp và Kiểm lâm.	Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	1.004815	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật	Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Lâm nghiệp và Kiểm lâm.	Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh; Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES			

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Tên thủ tục: Xử lý hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung loài trong Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm

1.1. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1: Nộp hồ sơ*

Tổ chức, cá nhân đề nghị đưa vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm; loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng.

- *Bước 2: Kiểm tra hồ sơ*

Cơ quan được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

- *Bước 3: Thẩm định hồ sơ*

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao giải quyết thủ tục hành chính trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định và tiến hành thẩm định hồ sơ.

- *Bước 4: Tổng hợp kết quả thẩm định và thông báo cho tổ chức, cá nhân*

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Cơ quan chuyên môn được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao giải quyết thủ tục hành chính thực hiện các công việc: (1) thông báo cho tổ chức, cá nhân kết quả hồ sơ đề xuất; (2) gửi văn bản đề nghị đưa loài vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm; loài được ưu tiên bảo vệ kèm theo hồ sơ và kết quả thẩm định của Hội đồng tới Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét quyết định việc đưa loài vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề xuất sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (01 bản chính);

- Báo cáo đề xuất sửa đổi, bổ sung loài trong Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (01 bản chính).

b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm thẩm định hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

+ Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thẩm định hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

- Thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Hồ sơ và kết quả thẩm định của Hội đồng trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét quyết định việc đưa loài vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ.

1.8. Phí, lệ phí: Không thu phí.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề xuất sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Báo cáo đề xuất sửa đổi, bổ sung loài trong Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 38 Luật Đa dạng sinh học năm 2008;

- Điều 8 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

- Điều 41 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Điều 5 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Mẫu đơn đề xuất sửa đổi, bổ sung danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm
(Ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
DANH MỤC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Tên và địa chỉ:

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Email (nếu có):

2. Nội dung đề nghị:

- Tên loài đề xuất: (tên thông thường và tên khoa học).
- Lý do đề xuất:
 - Đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 4 Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. :

3. Tài liệu kèm theo

- Báo cáo khoa học về loài đề xuất.
- Các tài liệu nghiên cứu, đánh giá liên quan (nếu có).

Địa điểm, ngày tháng năm

Tổ chức/cá nhân đề xuất
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu đơn đề xuất sửa đổi, bổ sung danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm
(Ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LOÀI TRONG DANH MỤC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức/cá nhân đề xuất:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:

II. NỘI DUNG BÁO CÁO

1. Tên loài

- Tên tiếng Việt (tên phổ thông):
- Tên địa phương (nếu có):
- Tên khoa học:

2. Đánh giá hiện trạng

2.1. Về phạm vi

- Phạm vi phân bố (*ghi rõ thông tin về phạm vi phân bố được ghi nhận/ công bố mà đơn vị/tổ chức/cá nhân đề xuất biết, có thể sử dụng bản đồ để mô tả mô tả chi tiết vị trí địa lý khu vực, diện tích, vùng phân bố, xây dựng bản đồ sử dụng hệ tọa độ VN 2000*):

- + Diện tích phân bố:
- + Khu vực địa lý (địa giới hành chính):
- + Tại khu vực vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên:
- + Tại khu vực khác (đề nghị ghi rõ địa chỉ, mô tả địa điểm)...:
- Các thông tin khác (nếu có):

2.2. Về số lượng cá thể

- Ước tính số lượng cá thể (*đề nghị nêu số lượng cá thể, quần thể, tiểu quần thể ước tính được ghi nhận hoặc công bố mà tổ chức/cá nhân đề xuất biết/ghi nhận được trong quá trình điều tra, nghiên cứu của tổ chức/cá nhân hoặc ở các tài liệu có liên quan, có thể trích dẫn nguồn thông tin ở dạng footnote hoặc cho vào tài liệu tham khảo*):

- + Tổng số lượng cá thể (*đề nghị ghi rõ các thông tin liên quan như ghi nhận ở đâu, quy mô bao nhiêu...*):
- + Số lượng tiểu quần thể (số lượng cá thể trong một đàn, tổng số đàn ... *nếu có được ghi nhận*):

- Đánh giá số lượng cá thể (tăng, giảm... nếu được ghi nhận/công bố hoặc nhận định/đánh giá của tổ chức/cá nhân đề xuất trên cơ sở thông tin/kinh nghiệm của mình):

+ Ghi rõ số lượng cá thể tăng hay giảm so với thời điểm 5 năm trước kể từ thời điểm đánh giá (nếu có thông tin công bố/đánh giá hoặc có thể ghi cụ thể các thông tin liên quan được ghi nhận theo nhận định/đánh giá của tổ chức/cá nhân đề xuất):

+ Thời gian gần đây nhất ghi nhận sự xuất hiện của loài trên địa bàn:

2.3. Điều kiện sống và tình trạng nơi sinh sống của loài

- Điều kiện sống/tình trạng nơi sống trong tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của loài (ghi cụ thể các thông tin liên quan được công bố/ghi nhận hoặc theo nhận định/đánh giá của tổ chức/cá nhân đề xuất):

+ Diện tích có đủ cho loài sinh sống, phát triển:

+ Loài có bị ảnh hưởng, tác động do biến đổi khí hậu:

+ Nguồn thức ăn có đảm bảo:

+ Môi trường sống có đảm bảo:

- Các thông tin khác (đề nghị ghi tất cả các thông tin khác có liên quan được ghi nhận/công bố về loài mà tổ chức/cá nhân đề xuất biết mà chưa được nêu ở các mục nêu trên):

2.4. Đặc điểm và giá trị của loài

- Đặc tính cơ bản (đặc điểm sinh vật học)

- Tính đặc hữu (ghi rõ là loài đặc hữu hay không phải loài đặc hữu):

- Giá trị đặc biệt (Giá trị về: khoa học, y tế, khoa học, kinh tế, sinh thái, cảnh quan, môi trường hoặc văn hóa - lịch sử):

2.5. Mức độ bị đe dọa tuyệt chủng của loài

- Sự suy giảm quần thể:

- Tình trạng nơi cư trú (diện tích nhỏ/bị chia cắt):

- Tình trạng buôn bán, sử dụng (nêu các thông tin liên quan được công bố/hoặc ghi nhận bao gồm cả các vụ buôn bán được phát hiện, bắt giữ và sử dụng loài và sản phẩm của loài mà tổ chức/cá nhân đề xuất biết):

- Tình hình khai thác, săn bắt (nêu rõ mức độ khai thác trong thời gian gần đây hoặc nhận định/đánh giá/nghiên cứu của tổ chức/cá nhân đề xuất dựa trên các thông tin/vụ việc được phát hiện và tài liệu có liên quan):

- Mức độ phân hạng trong Sách đỏ Việt Nam, Danh mục đỏ IUCN cập nhật gần nhất; Phụ lục Công ước CITES, Danh mục khác có liên quan):

2.6. Chế độ quản lý, bảo vệ hoặc chế độ quản lý đặc thù khác

- Dự án bảo tồn loài đã và đang thực hiện (nêu rõ tên dự án, thời gian thực hiện, hoạt động triển khai, kết quả đạt được của các dự án liên quan đã và đang triển khai mà tổ chức/cá nhân đề xuất biết):

- Chương trình nghiên cứu bảo tồn (nếu có):

- Chương trình nghiên cứu bảo tồn nên bổ sung chương trình khai thác và phát triển nguồn gen (nếu có):

- Tình trạng gây nuôi tại địa phương (*nếu cụ thể loại hình là: hộ gia đình tự phát, trang trại, gây nuôi bảo tồn hay gây nuôi thương mại...nếu có*):

- Các hình thức, chế độ quản lý đặc thù khác (nếu có):

- Các mối đe dọa:

+ Mất môi trường sống:

+ Săn bắt, khai thác quá mức (*nếu nhận định/đánh giá của tổ chức/cá nhân đề xuất trên cơ sở thông tin/kinh nghiệm của mình bao gồm cả các vụ việc cụ thể được ghi nhận*):

+ Buôn bán, tiêu thụ trái phép (*nếu nhận định/đánh giá của tổ chức/cá nhân đề xuất trên cơ sở thông tin/kinh nghiệm của mình bao gồm cả các vụ việc cụ thể được ghi nhận*):

+ Các mối đe dọa khác:

2.7. Các ý kiến/thông tin khác có liên quan (*đề nghị ghi tất cả các thông tin khác có liên quan được ghi nhận/công bố/nghiên cứu/đánh giá về loài mà tổ chức/cá nhân đề xuất biết nhưng chưa được nêu ở các mục nêu trên*):

3. Đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí:

Địa điểm, ngày tháng năm

Tổ chức/cá nhân đề xuất

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Lưu ý:

+ Thông tin về từng loài được thể hiện trên một phiếu cung cấp thông tin;

+ Các số liệu, dẫn liệu đều phải có nguồn trích dẫn cụ thể.

2. Tên thủ tục: Cấp giấy phép CITES xuất khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 hồ sơ tới Cơ quan quản lý CITES Việt Nam. Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử thực hiện theo quy định của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

- Bước 2: Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ

Cơ quan quản lý CITES Việt Nam kiểm tra hồ sơ và trả lời ngay tính hợp lệ của thành phần hồ sơ đối với hồ sơ nộp trực tiếp, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử; trường hợp hồ sơ chưa đủ thành phần theo quy định, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Xử lý hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý CITES Việt Nam cấp giấy phép CITES.

Trường hợp cần tham vấn về ảnh hưởng của việc xuất khẩu, tái xuất khẩu tới sự tồn tại của loài hoặc cần kiểm tra thực tế trước khi cấp phép khi có thông tin nghi ngờ về tính hợp pháp của mẫu vật, Cơ quan quản lý CITES Việt Nam lấy ý kiến của Cơ quan Khoa học CITES Việt Nam hoặc tham vấn với cơ quan quản lý chuyên ngành để xác minh trước khi cấp phép; thời hạn cấp phép 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp không cấp giấy phép CITES, Cơ quan quản lý CITES Việt Nam thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Trả kết quả

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy phép CITES, Cơ quan quản lý CITES Việt Nam trả giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ gồm:

a) Bản chính đề nghị cấp giấy phép CITES theo Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

b) Bản sao bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân hoặc bản sao Giấy xác nhận nguồn gốc thủy sản theo quy định của pháp luật thủy sản.

c) Trường hợp xuất khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật khai thác từ tự nhiên phục vụ nghiên